TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
HUYỆN CÁI BÈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123 /2017/ HN-ST
Ngày: 28-7-2017
"V/v Ly hôn giữa chị A và anh B"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **NGUYỄN VĂN BỘ**
2. Bà **ÂU THỊ NGỌC HOA**
- *Thư ký phiên tòa*: Ông **PHẠM MINH TÂN** - Thư ký tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:* Không có tham gia.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2017/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2017/QĐXX-ST ngày 20 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **BÙI THỊ A,** sinh năm 1988.
Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **THÁI VĂN B**, sinh năm 1985.
Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị A có mặt, anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị A trình bày: Chị và anh B xác lập quan hệ vợ chồng năm 2008 trên cơ sở quen biết và có sự tìm hiểu nhau trước. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2012 thì phát sinh mâu thuẩn do anh B không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt rồi xúc phạm danh dự nhân phẩm chị và gia đình chị, thậm chí đánh đập chị nhiều lần, bất đồng trong việc sử dụng tiền bạc, làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh chị đã ly thân từ tháng 8/2014 đến nay.

Con chung: Anh chị có 01 con chung tên Thái Bùi D, sinh ngày 15/6/2008 hiện do chị A nuôi dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B. Con chung chị yêu cầu nuôi, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn anh Thái Văn B dù nhận đầy đủ văn bản tố tụng và được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Anh Thái Văn B dù được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh.

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị A và anh B tiến đến hôn nhân năm 2008, đến năm 2014 mới tiến hành đăng ký kết hôn. Mặc dù anh chị có tìm hiểu nhau trước tuy nhiên sau khi kết hôn anh chị chỉ chung sống được thời gian ngắn đến tháng 9/2012 thì phát sinh mâu thuẩn, đến tháng 8/2014 thì ly thân với nhau do anh chị có bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm kinh tế gia đình dẫn đến thường xuyên cải vã thậm chí là đánh nhau từ đó làm cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã ly thân có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Theo xác nhận của ban quản lý ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang thì vợ chồng chị A, anh B có xảy ra mâu thuẩn nhưng mâu thuẩn gì thì không biết cụ thể. Hiện giờ anh chị không còn sống chung. Đối với cháu Thái Bùi D hiện đang sống với chị A. Mặc khác, từ lúc Tòa án thụ lý vụ án đến nay anh B dù nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng cũng không có ý kiến gì về việc chị A xin ly hôn cũng như tham gia tố tụng tại Tòa. Đây là anh tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình nên có thiệt thòi gì anh tự gánh chịu. Từ những nhận định trên cho thấy hôn nhân giữa chị A và anh B thật sự đỗ vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho chị A được ly hôn anh B là phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị A và anh B có 01 con chung tên Thái Bùi D sinh ngày 15/6/2008 hiện do chị A nuôi dưỡng từ lúc ly thân. Chị A có nguyện vọng được nuôi con chung khi ly hôn. Xét thấy cháu D được chị A nuôi dưỡng từ lúc anh chị ly thân đến nay cháu vẫn phát triển bình thường. Qua làm việc với cháu D thì cháu cũng có nguyện vọng sống cùng chị A nếu cha mẹ không sống chung với nhau. Do đó để tránh xáo trộm tâm sinh lý của con chung Hội đồng xét xử xem xét tiếp tục giao cháu D cho chị A nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị A không có yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên ghi nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu khởi kiện của chị Bùi Thị A.

1. Về hôn nhân: Cho chị Bùi Thị A được ly hôn với anh Thái Văn B.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cho chị Bùi Thị A được quyền nuôi cháu Thái Bùi D sinh ngày 15/6/2008. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh B được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo qui định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị A phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 06398 ngày 20/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

5. Về thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

TRẦN TÚ ANH

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 28 tháng 7 năm 2017
Tại: Trụ sở Tòa án nhan dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Tú Anh**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Bộ**
Bà **Âu Thị Ngọc Hoa**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 102/ 2017 /TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2017 về " Tranh chấp xin ly hôn" giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **BÙI THỊ KIM TIẾM**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp Mỹ Phúc, xã Thiện Trí, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **THÁI VĂN TẤN**, sinh năm 1985.
Địa chỉ: ấp Mỹ Phúc, xã Thiện Trí, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
(Chị tiếm có mặt, anh Tấn vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi bàn bạc thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 như sau:

Căn cứ vào Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu khởi kiện của chị Bùi Thị Kim Tiếm.

1. Về hôn nhân: Cho chị Bùi Thị Kim Tiếm được ly hôn với anh Thái Văn Tấn.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cho chị Bùi Thị Kim Tiếm được quyền nuôi cháu Thái Bùi Tiểu My sinh ngày 15/6/2008. Anh Tấn không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Tấn được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo qui định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Kim Tiếm phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 06398 ngày 20/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

5. Về thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 28 tháng 7 năm 2017

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 51-DS:

(1) Ghi tên Toà án tiến hành phiên hoà giải và lập biên bản hoà giải thành; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H). Nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh, (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh H).

(2) Ghi địa điểm nơi tiến hành phiên toà (ví dụ: Tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh N; hoặc: Tại Hội trường Uỷ ban nhân dân huyện S, thành phố H).

(3) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm thì ghi "sơ thẩm"; nếu Hội đồng xét xử phúc thẩm thì ghi "phúc thẩm".

(4) Ghi đầy đủ tên thành viên Hội đồng xét xử.

(5) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu tại cấp sơ thẩm thì ghi "TLST", nếu tại cấp phúc thẩm thì ghi "TLPT"; ô thứ tư nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(7) Ghi đầy đủ tên của các đương sự tương ứng với tư cách đương sự trong vụ án.

(8) Nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, hoặc lẽ công bằng (nếu có).

(9) Ghi các ý kiến thảo luận, biểu quyết và quyết định của Hội đồng xét xử theo từng vấn đề của vụ án, nếu có ý kiến khác thì ghi rõ ý kiến của thành viên Hội đồng xét xử có ý kiến khác.